

DOI: 10.58490/ctump.2025i92.4233

**ĐỔI MỚI GIẢNG DẠY BỘ MÔN NHI THEO HƯỚNG GIÁO DỤC
Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC: KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU
VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

*Nguyễn Sĩ Bảo, Nguyễn Thanh Hùng, Quan Thủy Tiên, Nguyễn Thị Thu Suong**

Trường Đại học Khoa học Sức Khỏe- Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh

**Email: nttsuong@uhsvnu.edu.vn*

Ngày nhận bài: 14/9/2025

Ngày phản biện: 22/10/2025

Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Từ khi tham gia Dự án IMPACT-MED với các hoạt động tập huấn về đổi mới giáo dục y khoa, Bộ môn Nhi – Khoa Y, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, Đại học Quốc gia TP.HCM đã triển khai đổi mới giảng dạy theo hướng giáo dục y khoa dựa trên năng lực (Competency-based Medical Education – CBME). Việc chuyển đổi này nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát mức độ hài lòng và cảm nhận của sinh viên và học viên đối với học phần Lâm sàng Nhi sau khi áp dụng mô hình CBME.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu khảo sát cắt ngang được thực hiện trên 76 người học. Công cụ khảo sát gồm 13 câu hỏi theo thang Likert 5 mức độ, đánh giá các lĩnh vực: mục tiêu học tập, phương pháp giảng dạy, lượng giá, phản hồi của giảng viên và hiệu quả học tập.

Kết quả: Kết quả cho thấy 89,4% người học nhận định mục tiêu học tập rõ ràng; 85,6% đồng ý các hoạt động học tập hỗ trợ đạt mục tiêu; 86,8% đánh giá phương pháp giảng dạy phù hợp; 89,5% hài lòng với phản hồi từ giảng viên; và 84,2% cho rằng phương pháp lượng giá phản ánh đúng năng lực thực hành. Trên 85% người học ghi nhận sự cải thiện về tư duy phản biện, khả năng tự học và vận dụng y học chứng cứ trong thực hành lâm sàng. **Kết luận:** Triển khai mô hình CBME trong học phần Lâm sàng Nhi mang lại hiệu quả tích cực về mặt sự phạm và góp phần phát triển năng lực thực hành cho người học. Phản hồi của người học là cơ sở quan trọng để tiếp tục cải tiến và chuẩn hóa chương trình đào tạo theo định hướng năng lực và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Giáo dục y khoa dựa trên năng lực, Lâm sàng Nhi, phản hồi, lượng giá.

ABSTRACT

**INNOVATING PEDIATRIC EDUCATION
THROUGH COMPETENCY-BASED MEDICAL EDUCATION:
INITIAL OUTCOMES AND FUTURE DIRECTIONS**

*Nguyen Si Bao, Nguyen Thanh Hung, Quan Thuy Tien, Nguyen Thi Thu Suong**

University of Health Sciences - Vietnam National University – Ho Chi Minh City

Background: Since participating in the IMPACT-MED Project with training activities on innovations in medical education, the Department of Pediatrics, Faculty of Medicine, University of Health Sciences, Vietnam National University Ho Chi Minh City, has implemented teaching reforms based on Competency-Based Medical Education (CBME). This transition aims to improve training quality and meet international integration requirements. **Objectives:** To assess students' and trainees' satisfaction and perceptions of the Pediatric Clinical course after the implementation of the CBME model. **Materials and methods:** A cross-sectional survey was conducted among 76 learners. The survey instrument consisted of 13 items using a five-point Likert scale, evaluating learning objectives, teaching methods, assessment, faculty feedback, and learning effectiveness. Based on program learning outcomes and core competencies at each training level, the course

syllabus was revised following a competency-based approach. Results: The results showed that 89.4% of learners perceived the learning objectives as clearly stated; 85.6% agreed that learning activities supported achievement of objectives; 86.8% considered the teaching methods appropriate; 89.5% were satisfied with faculty feedback; and 84.2% believed that assessment methods accurately reflected clinical competence. More than 85% of learners reported improvements in critical thinking, self-directed learning, and application of evidence-based medicine in clinical practice. Conclusion: The implementation of the CBME model in the Pediatric Clinical course demonstrated positive educational outcomes and contributed to the development of learners' clinical competencies. Learner feedback provides an important basis for ongoing curriculum improvement and standardization in alignment with competency-based education and international integration.

Keywords: Competency-based medical education, Pediatric clinical training, feedback, assessment.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục y khoa tại Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và chuẩn hóa chất lượng đào tạo, mô hình giáo dục y khoa dựa trên năng lực (Competency-Based Medical Education – CBME) ngày càng được chú trọng và triển khai rộng rãi. Đây là phương pháp tiếp cận hiện đại, lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển năng lực thực hành và khả năng hành nghề độc lập theo chuẩn đầu ra cụ thể. Bộ môn Nhi – Khoa Y, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã tiên phong áp dụng mô hình CBME trong giảng dạy lâm sàng, đặc biệt là học phần “Lâm sàng Nhi”.

Từ năm 2022, thông qua các chương trình tập huấn sư phạm y khoa và sự hỗ trợ từ Dự án IMPACT-MED do USAID tài trợ, Bộ môn đã từng bước điều chỉnh đề cương học phần, xây dựng hệ thống lượng giá hiện đại và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến như Mini-CEX, phản hồi theo mô hình RIME, đánh giá tại nơi làm việc (WBA), hồ sơ năng lực (portfolio) và OSCE. Đồng thời, Bộ môn cũng triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi MCQ mức độ cao, hoàn thiện test blueprint và chuẩn hóa rubric đánh giá.

Nhằm đánh giá hiệu quả bước đầu của quá trình đổi mới, Bộ môn đã tiến hành khảo sát người học về mức độ hài lòng đối với học phần, bao gồm các khía cạnh: thiết kế học phần, phương pháp giảng dạy, hoạt động lượng giá, phản hồi giảng viên, phát triển tư duy phân biện, tự học, vận dụng y học chứng cứ và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Kết quả khảo sát là cơ sở quan trọng để phân tích những thành công, xác định các điểm cần cải tiến, và định hướng cho việc tiếp tục triển khai mô hình CBME một cách bền vững và hiệu quả hơn trong tương lai.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

76 sinh viên và học viên sau đại học đã hoàn tất học phần Lâm sàng Nhi năm học 2023–2024.

- **Địa điểm nghiên cứu:** Bộ môn Nhi – Khoa Y, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, Đại học Quốc gia TP.HCM

- **Thời gian nghiên cứu:** Từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.

- **Công cụ thu thập số liệu:** Bảng khảo sát gồm 13 tiêu chí, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý”. Các tiêu chí được xây dựng

dựa trên khung năng lực và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Phân tích theo công cụ CBME: Các tiêu chí lượng giá được phân nhóm theo từng phương pháp giảng dạy – đánh giá hiện đại, bao gồm Mini-CEX, phản hồi theo mô hình RIME, đánh giá tại nơi làm việc (WBA), hồ sơ năng lực (portfolio) và OSCE, nhằm làm rõ vai trò và hiệu quả của từng công cụ.

- **Xử lý số liệu:** Thống kê mô tả bằng tỉ lệ phần trăm.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả chung

Khảo sát 76 đối tượng học viên cho thấy: Trên 85% người học đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng mục tiêu học tập rõ ràng, phương pháp giảng dạy phù hợp và phản hồi từ giảng viên kịp thời, hữu ích. Tỉ lệ hài lòng chung với học phần đạt trên 90%.

Bảng 1. Tỉ lệ phản hồi theo 5 mức độ đối với 13 tiêu chí đánh giá (n=76)

Tiêu chí đánh giá	Hoàn toàn đồng ý n(%)	Đồng ý n(%)	Bình thường n(%)	Không đồng ý n(%)	Hoàn toàn không đồng ý n(%)
1. Mục tiêu học tập rõ ràng	46 (60,5%)	22 (28,9%)	6 (7,9%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
2. Hoạt động học phù hợp mục tiêu	42 (55,3%)	23 (30,3%)	8 (10,5%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
3. Phương pháp giảng dạy phù hợp	44 (57,9%)	22 (28,9%)	7 (9,2%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
4. Phản hồi giảng viên kịp thời, hữu ích	48 (63,2%)	21 (27,6%)	5 (6,6%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
5. Hiểu rõ tiêu chí đánh giá	38 (50,0%)	24 (31,6%)	8 (10,5%)	5 (6,6%)	2 (2,6%)
6. Lượng giá phản ánh đúng năng lực	41 (53,9%)	24 (31,6%)	8 (10,5%)	4 (5,3%)	2 (2,6%)
7. Phản hồi giúp cải thiện năng lực	43 (56,6%)	25 (32,9%)	7 (9,2%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
8. Được hướng dẫn cách tự học, tự đánh giá	37 (48,7%)	25 (32,9%)	9 (11,8%)	4 (5,3%)	2 (2,6%)
9. Môi trường học tập tích cực, an toàn	45 (59,2%)	23 (30,3%)	6 (7,9%)	3 (3,9%)	0 (0,0%)
10. Phát triển tư duy phản biện	40 (52,6%)	25 (32,9%)	8 (10,5%)	4 (5,3%)	1 (1,3%)
11. Tăng cường năng lực tự học	42 (55,3%)	24 (31,6%)	7 (9,2%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
12. Vận dụng y học chứng cứ	39 (51,3%)	25 (32,9%)	8 (10,5%)	4 (5,3%)	2 (2,6%)
13. Mức độ hài lòng chung với học phần	46 (60,5%)	24 (31,6%)	3 (3,9%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)

Nhận xét: Nhận thức về mục tiêu và hoạt động học tập: 89,4% người học cho biết họ hiểu rõ mục tiêu học tập trong học phần, 85,6% đồng ý rằng các hoạt động (thực hành, thảo luận, phản hồi) giúp sinh viên-học viên đạt được mục tiêu học tập đã đề ra. Phương pháp giảng dạy: 86,8% nhận định phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung và mục tiêu học phần, 90,8% hài lòng với phản hồi từ giảng viên sau các hoạt động học tập. Lượng giá và phản hồi: 81,6% người học hiểu rõ tiêu chí đánh giá, 85,5% đồng thuận rằng phương

pháp lượng giá phản ánh đúng năng lực cần đạt, 89,5% cảm thấy phản hồi từ giảng viên đến kịp thời và hữu ích. Phát triển năng lực cá nhân: 81,6% học viên nhận thấy giảng viên hướng dẫn họ tự học và tự đánh giá bản thân, 89,5% cho biết môi trường học tập tích cực và an toàn, 85,2% cảm thấy học phần giúp phát triển tư duy phản biện, 86,9% phát triển được khả năng tự học, 84,2% vận dụng được y học chứng cứ vào thực hành. Mức độ hài lòng chung: 92,1% người học hài lòng với học phần Lâm sàng Nhi sau đổi mới.

3.2. Kết quả theo các công cụ lượng giá CBME

Bảng 2. Tỷ lệ đánh giá theo 5 mức độ của người học về các công cụ lượng giá (n = 76)

Công cụ lượng giá	Hoàn toàn đồng ý n (%)	Đồng ý n (%)	Bình thường n (%)	Không đồng ý n (%)	Hoàn toàn không đồng ý n (%)
Mini-CEX	45 (59,2%)	22 (28,9%)	6 (7,9%)	2 (2,6%)	1 (1,3%)
Phản hồi theo mô hình RIME	46 (60,5%)	22 (28,9%)	5 (6,6%)	2 (2,6%)	1 (1,3%)
Đánh giá tại nơi làm việc (WBA)	40 (52,6%)	24 (31,6%)	8 (10,5%)	3 (3,9%)	1 (1,3%)
Hồ sơ năng lực (Portfolio)	36 (47,4%)	26 (34,2%)	9 (11,8%)	3 (3,9%)	2 (2,6%)
OSCE	42 (55,3%)	24 (31,6%)	7 (9,2%)	2 (2,6%)	1 (1,3%)

Nhận xét: Người học đánh giá tích cực các công cụ lượng giá trong mô hình giáo dục y khoa dựa trên năng lực. Mini-CEX và phản hồi theo mô hình RIME có tỷ lệ đồng thuận cao nhất tỷ lệ 59,2% và 60,5%, phản ánh hiệu quả của phản hồi trực tiếp tại nơi làm việc. OSCE cũng được đánh giá cao, cho thấy vai trò của lượng giá có cấu trúc trong chuẩn hóa năng lực thực hành. Hồ sơ năng lực (portfolio) có tỷ lệ đồng thuận thấp hơn và tỷ lệ ý kiến trung lập cao hơn, cho thấy người học chưa hoàn toàn quen với hình thức lượng giá theo tiến trình năng lực dài hạn. Tỷ lệ ý kiến không đồng ý ở tất cả các công cụ đều thấp từ 1,3% - 2,6%, khẳng định tính khả thi của việc triển khai các công cụ lượng giá CBME trong đào tạo lâm sàng Nhi khoa.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kết quả chung

Kết quả khảo sát cho thấy quá trình đổi mới học phần Lâm sàng Nhi theo mô hình giáo dục y khoa dựa trên năng lực (CBME) mang lại hiệu quả tích cực, thể hiện qua mức độ hài lòng cao ở hầu hết các tiêu chí: thiết kế học phần, phương pháp giảng dạy, hoạt động lượng giá – phản hồi, và phát triển năng lực người học. Điều này phù hợp với định hướng quốc tế trong cải tiến giáo dục y khoa, nhấn mạnh đến việc đào tạo năng lực thực hành và chuyên môn lâm sàng gắn với các tiêu chuẩn đầu ra cụ thể [1],[2],[3].

Việc người học nhận thức rõ mục tiêu học tập và đạt được các năng lực cốt lõi phản ánh tính khả thi và hiệu quả của CBME khi được triển khai một cách có hệ thống. Tỷ lệ cao người học cho rằng các hoạt động học tập hỗ trợ đạt mục tiêu (85,6%), phương pháp giảng dạy phù hợp (86,8%) và phản hồi giảng viên hữu ích (89,5%) cho thấy sự thành công của việc lồng ghép các phương pháp sư phạm hiện đại như Mini-CEX, mô hình RIME, OSCE, WBA và portfolio – vốn là những công cụ được khuyến nghị trong các tài liệu đào tạo y khoa quốc tế [4],[5],[6].

Đặc biệt, trên 85% người học cảm thấy học phần giúp phát triển tư duy phản biện, năng lực tự học và vận dụng y học chứng cứ vào thực hành. Đây đều là các yếu tố quan trọng trong hành nghề y theo chuẩn đầu ra đã ban hành trong nước [7], phù hợp với định hướng thiết kế chương trình đào tạo của ĐHQG TP.HCM [2] cũng như mô hình meta-profile của Tuning Asia [8]. Việc người học tự đánh giá bản thân và được hướng dẫn phương pháp học tích cực chính là mục tiêu trọng tâm trong Taxonomy cải tiến của Bloom [9], góp phần hình thành năng lực y khoa bền vững.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một tỉ lệ nhỏ phản hồi trung lập hoặc chưa đồng thuận (7–15%), phản ánh sự không đồng đều trong triển khai CBME giữa các giảng viên hoặc cơ sở lâm sàng. Đây là thách thức đã được ghi nhận ở nhiều quốc gia khi chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình CBME, đặc biệt khi thiếu sự đồng bộ trong xây dựng chương trình và đánh giá [5], [6]. Việc xây dựng các công cụ lượng giá chuẩn hóa, tập huấn giảng viên định kỳ, và sử dụng các công cụ như portfolio hay rubric đánh giá theo năng lực là những giải pháp đã được đề xuất trong các mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục y khoa khu vực ASEAN và quốc tế [10],[11],[3].

4.2. Kết quả theo các công cụ lượng giá CBME

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc triển khai CBME trong học phần Lâm sàng Nhi mang lại hiệu quả tích cực, phù hợp với các khuyến nghị quốc tế về đào tạo y khoa hiện đại. Các công cụ đánh giá tại nơi làm việc giúp người học nhận được phản hồi kịp thời và điều chỉnh hành vi nghề nghiệp hiệu quả hơn.

Sự khác biệt trong mức độ hài lòng giữa các công cụ lượng giá cho thấy cần tiếp tục chuẩn hóa quy trình triển khai, đặc biệt đối với portfolio và WBA. Đây là thách thức chung được ghi nhận trong nhiều mô hình CBME ở giai đoạn đầu. Tuy nhiên, vẫn còn một tỉ lệ nhỏ phản hồi trung lập hoặc chưa hoàn toàn đồng thuận, phản ánh sự không đồng đều trong triển khai giữa các giảng viên hoặc cơ sở lâm sàng. Do đó, cần tiếp tục đào tạo sư phạm cho giảng viên, chuẩn hóa công cụ lượng giá và phát triển hệ thống phản hồi – theo dõi tiến bộ người học như portfolio, nhằm nâng cao hiệu quả triển khai CBME.

Về định hướng phát triển: Trong giai đoạn tiếp theo, Bộ môn Nhi định hướng hoàn thiện CBME theo ba trụ cột: (1) chuẩn hóa công cụ lượng giá và rubric đánh giá, (2) phát triển portfolio điện tử theo dõi năng lực người học, và (3) đào tạo giảng viên về phản hồi mang tính huấn luyện. Những định hướng này nhằm đảm bảo tính bền vững và hội nhập quốc tế của chương trình đào tạo.

V. KẾT LUẬN

Việc áp dụng CBME trong giảng dạy Lâm sàng Nhi bước đầu cho thấy hiệu quả rõ rệt, được người học đánh giá tích cực. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục cải tiến và mở rộng mô hình đào tạo dựa trên năng lực trong tương lai. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục mở rộng đổi mới trong các học phần khác và hướng đến kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Các kiến nghị trong tương lai như sau: Tổ chức đào tạo định kỳ cho giảng viên về giảng dạy và phản hồi theo CBME, chuẩn hóa quy trình lượng giá và phản hồi để đảm bảo tính công bằng, phát triển portfolio để hỗ trợ theo dõi năng lực người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ đa khoa. Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18 tháng 5 năm 2015. Hà Nội: Bộ Y tế. 2015.

2. Medical education in South East Asia: current trend and Malaysia's perspective. ResearchGate; 2017.
 3. Hodges B, *et al.* Competency-based medical education guidelines are context-based: lessons from national guidelines in five countries. *Med Teach.* 2024. 46(sup1), S38–S45, doi: 10.1080/0142159X.2024.2307716.
 4. ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN-QA). Guide to AUN-QA assessment at programme level [Internet]. Bangkok: AUN-QA; 2015 [cited 2025 Jan 10]. Available from: <https://www.aunqa.org>.
 5. World Federation for Medical Education (WFME). Basic medical education: global standards for quality improvement [Internet]. Copenhagen: WFME; 2015 [cited 2025 Jan 10]. Available from: <https://wfme.org>.
 6. Assessing the impact of competency-based medical education (CBME): insights from medical students. *Texila International Journal.* 2024. doi: 10.21522/TIJMD.2013.11.01.Art001.
 7. Anderson LW, Krathwohl DR, editors. A taxonomy for learning, teaching, and assessing: a revision of Bloom's taxonomy of educational objectives. New York: Longman. 2001.
 8. Accreditation Council for Graduate Medical Education (ACGME). ACGME common program requirements (residency) [Internet]. Chicago: ACGME; n.d. [cited 2025 Jan 10]. Available from: <https://www.acgme.org>.
 9. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tài liệu tập huấn về thiết kế chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra. TP Hồ Chí Minh: ĐHQG-HCM. 2018.
 10. Tuning Asia South East. Six domains of meta-profile for medicine in ASEAN. Project Tuning Asia–South East. 2019.
 11. Harvard Medical School. MD program objectives [Internet]. Boston: Harvard Medical School; 2018 [cited 2025 Jan 10]. Available from: <https://meded.hms.harvard.edu>.
-